

114(2)高齡及長期照護事業系排課一覽表

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2

新南向二專班-越南

新南向 114 1 年級	一	二	三	四	五
第一節 8:25~9:15	1969 人際關係與溝通表達 Kỹ năng giao tiếp biểu đạt 博雅通識/唐士祥 2 G404	1705 生活照顧空間規劃與設計 Thiết kế và bố trí không gian chăm sóc sinh hoạt 專業選修/陳曉琪 2 F303	1703 銀髮活動設計與實務 Thực hành thiết kế hoạt động cho người cao tuổi 專業必修/田奇玉 2 F202	華語文輔導課 Phụ đạo tiếng Hoa 蔡孟愉 G203	0010 華語文基礎-聽力練習 Tiếng Trung nhập môn – Kỹ năng nghe 基礎通識/蔡孟愉 2 G202
第二節 9:25~10:15					
第三節 10:25~11:15	0081 臺灣歷史與文化 Lịch sử và văn hóa Đài Loan 博雅通識/蔡博任 2 G504	1706 基本照顧實驗(二) Thực hành – Chăm sóc cơ bản (2) 專業必修/游秋燕 4、陳子環 2 F303	華語文輔導課 Phụ đạo tiếng Hoa 郭韋嫻 G401	1971 職場資訊科技應用 Ứng dụng CNTT tại nơi làm việc 基礎通識/葉富豪 2 B313	0013 華語文基礎-書寫練習 Tiếng Trung nhập môn – kỹ năng viết 基礎通識/蔡孟愉 2 G202
第四節 11:20~12:10					
第五節 13:05~13:55	1224 運動與健康(二) Thể dục 基礎通識/黃泰盛 2 H201	1706 基本照顧實驗(二) Thực hành – Chăm sóc cơ bản (2) 專業必修/游秋燕 4、陳子環 2 F303	班週會時間 Sinh hoạt lớp	0011 華語文基礎-口語練習 Tiếng Trung nhập môn – Kỹ năng nói 基礎通識/蔡孟愉 2 G202	1706 基本照顧實驗(二) Thực hành – Chăm sóc cơ bản (2) 專業必修/游秋燕 4、陳子環 2 F303
第六節 14:05~14:55					
第七節 15:05~15:55	0012 華語文基礎-閱讀練習 Tiếng Trung nhập môn – Kỹ năng đọc 基礎通識/邱怡芬 2 F404	0012 華語文基礎-閱讀練習 Tiếng Trung nhập môn – Kỹ năng đọc 基礎通識/邱怡芬 2 F404	華語文輔導課 Phụ đạo tiếng Hoa 郭韋嫻 G410	1704 中醫推拿指壓與實作 Massage và bấm huyệt y học cổ truyền 專業選修/柳宜伶 2 G202、F309	1707 舒適照顧 Chăm sóc giảm nhẹ 專業必修/陳子環 2 F303
第八節 16:00~16:50					

備註:禮拜三辦理活動(13:05~16:50)

1. 產業交流時間: 03/18、03/25、04/01、04/15、04/29、05/27
2. 智慧雨林計畫: 05/06、05/13
3. 端午節活動: 06/17